

Số: 780 /GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày 07 tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Tài Thành Công tại Văn bản số 10/2023-FS ngày 02 tháng 4 năm 2023 về việc phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Fusion Resort Nha Trang" tại Lô D10b – Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 127/TT-Tr-STNMT-CCBVM ngày 07 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Tài Thành Công, địa chỉ tại Lô D10b, Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Fusion Resort Nha Trang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Fusion Resort Nha Trang

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D10b, Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 4201581094 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp cho Công ty TNHH Tài Thành Công, cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 4201581094.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch sinh thái biển cao cấp đáp ứng đầy đủ các nhu cầu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, tắm biển cho khách du lịch trong và ngoài nước.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Quy mô của cơ sở: cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích 135.954 m² bao gồm 2 khu:

+ Khu I: diện tích 73.500 m² gồm 14 biệt thự 01 phòng ngủ, 09 biệt thự 02 phòng ngủ, 01 biệt thự tổng thống, 04 khối khách sạn 01 phòng ngủ, 08 khối khách sạn gia đình, nhà hàng bãi biển, nhà tiếp đón, khu spa.

+ Khu II: diện tích 62.454 m² gồm khu dịch vụ (nhà đa năng, nhà tiếp đón, khu thể thao), khu biệt thự nghỉ dưỡng (12 khối biệt thự 04 phòng ngủ và 01 khối biệt thự 02 phòng ngủ) và khu hạ tầng kỹ thuật.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Tài Thành Công được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Tài Thành Công có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cam Lâm nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Công ty TNHH Tài Thành Công;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Hải Đông;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày ... tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Khu 1:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động lưu trú của khách du lịch Khu I.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực nấu ăn, phục vụ căn tin (nhà bếp).

- Khu 2:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động lưu trú của khách du lịch Khu II.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải Khu I: môi trường đất (trong khuôn viên cơ sở)

- Nguồn tiếp nhận nước thải Khu II: môi trường đất (trong khuôn viên cơ sở)

- Nguồn tiếp nhận nước thải của Khu I và Khu II: hệ thống thu gom nước thải của Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh khi hệ thống xử lý nước thải này đi vào hoạt động.

2.2. Vị trí xả nước thải: theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3^o:

STT	Vị trí xả thải	X	Y
1	Khu I	1.332.772	603.706

STT	Vị trí xả thải	X	Y
2	Khu II	1.332.753	603.523
3	Tại vị trí đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh	1.332.651	603.537

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 160 m³/ngày đêm (trong đó Khu I: 90 m³/ngày đêm, Khu II: 70 m³/ngày đêm).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn qua đồng hồ đo lưu lượng được bơm ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24h/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,0); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.
2	BOD ₅	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500	
5	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5	
6	Nitrat (Tính theo N)	mg/l	30	
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
11	Tổng Coliforms	(MPN/100ml)	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải khu I: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nguồn số 1, số 2 và số 3 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu I có công suất thiết kế 90 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra ngoài nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống thu gom nước thải khu II: Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 1 và số 2 sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu II có công suất thiết kế 70 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra ngoài nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

(1). Công trình, thiết bị xử lý nước thải Khu I:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nguồn số 1, số 2 và số 3 → Bể thu gom T01 (kết hợp tách rác thô) → Bể điều hòa T02 → Bể thiếu khí T03 → Bể MBBR T04A/T04B → Bể lắng T05 → Bể khử trùng T06 → Bồn lọc cát → Bể chứa nước thải sau xử lý.

+ Bùn thải: Bùn từ Bể lắng → Bể chứa bùn → Hút định kỳ (hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý)

- Số lượng: 01

- Công suất thiết kế: 90 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Sử dụng nước Javen để khử trùng có định mức 120l/tháng.

(2). Công trình, thiết bị xử lý nước thải Khu II:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nguồn 1 và nguồn 2 → Bể tự hoại → Bể thu gom T01 → Bể tách mỡ T02 → Bể điều hòa T03 → Bể thiếu khí (Anoxic) T04 → Bể MBBR T05 → Bể hiếu khí T06 → Bể lắng T07 → Bể trung gian T08 → Bồn lọc → Bể khử trùng T09 → Bể chứa nước sau xử lý.

+ Khí thải từ các bể và nhà chứa thiết bị tách rác được xử lý qua tháp hấp thụ → tháp hấp phụ → nguồn tiếp nhận.

+ Bùn thải: Bùn từ Bể lắng → Bể chứa bùn → Hút định kỳ (hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý).

- Số lượng: 01

- Công suất thiết kế: 70 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Sử dụng nước chlorine để khử trùng có định mức 0,5kg/100m³ nước thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống đúng quy trình.

- Hệ thống xử lý nước thải được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị xử lý và dự trữ sẵn sàng thiết bị thay thế để xử lý nhanh chóng khôi phục hoạt động của hệ thống xử lý.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải không hoạt động, nước thải sẽ được bơm về bể chứa nước thải sau xử lý có thể tích 40 m³ và tận dụng bể điều hòa có thể tích 26,8 m³ để lưu trữ nước thải; sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý theo quy trình.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

2.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2.4. Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

2.5. Chỉ được phép xả thải sau xử lý vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. *rvw*

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...180.../GPMT-UBND ngày...07... tháng 4
năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Dầu nhiên liệu thải (17 06 01), Dầu động cơ, hộp số và dầu bôi trơn tổng hợp thải (17 02 03), Bóng đèn huỳnh quang thải (16 01 06), Cặn sơn chống gỉ thải (08 01 11), Pin ắc quy thải (16 01 12), Hộp mực in thải (08 02 04), Bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật (14 01 15). Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (18 02 01). Khối lượng phát sinh dưới 1.000 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 250 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa rác có nắp đậy. Số lượng thùng rác: 12 thùng 660 lít, 100 thùng 120 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt của toàn bộ cơ sở được tập kết trong kho tại Khu I (bao gồm: 01 phòng chứa rác thải sinh hoạt khô với diện tích là 6 m², 01 phòng chứa rác thải sinh hoạt ướt với diện tích là 4 m²) để lưu trữ chất thải sinh hoạt cho toàn cơ sở.

Chất thải sinh hoạt sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG: Không. *mm*